

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 09-5-2024

V/v “Yêu cầu cấp dưỡng nuôi  
con và chia tài sản chung sau khi  
ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Tấn Hoàng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Trúc Lâm và ông Trần Minh Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thục Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2024/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc “Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 130/2023/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2024/QĐXXPT-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2024/QĐ-PT ngày 05/4/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lưu Thị Kim L, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt. Ủy quyền cho ông Trịnh Bình T; sinh năm 1976; nơi cư trú: 76 N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T;

Địa chỉ: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

2. Ông Lưu Văn P1, sinh năm 1967;

3. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1978;

4. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979;

5. Anh Nguyễn Kỳ N, sinh năm 1982;

6. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1984;

7. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1955;

Đồng cư trú tại: Thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; đều vắng mặt.

8. Anh Lê Phi H1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

9. Chị Lưu Thị Kim V, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

10. Chị Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: 32 đường số F, khu dân cư Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

11. Vợ chồng ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1954 và bà Phan Thị N1, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ủy quyền cho ông Trịnh Bình T, sinh năm 1976; nơi cư trú: 76 N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

**4. Người kháng cáo:** Bị đơn anh Nguyễn Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nguyễn Văn X, bà Phan Thị N1.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lưu Thị Kim L trình bày:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 243/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2022 của TAND thành phố Tuy Hoà, chị L và anh P đã ly hôn; Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Trân C1, sinh ngày 03/6/2008 và Nguyễn Lưu Hoài T1, sinh ngày 26/8/2013 cho chị L nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng; Về tài sản chung: không giải quyết, nên chị L yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung cụ thể như sau:

- Về cấp dưỡng nuôi con: Công việc của chị lương thấp lại không ổn định trong khi chi phí nuôi 02 con đang tuổi học hành (01 con học lớp 10, 01 con học lớp 5) ngày càng cao, nên chị yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi tháng cho mỗi con 2.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày nộp đơn khởi kiện ngày 20/9/2022 cho đến khi các con trưởng thành. Anh P làm nghề lái xe mức theo thời vụ thu nhập mỗi tháng khoảng 30.000.000đ nên đủ sức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tạo lập được các tài sản chung như sau: 01 chái tạm lợp tôn bán quần áo được xây dựng trên đất của UBND xã B, chị xin rút yêu cầu; 01 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói trên diện tích đất nông nghiệp 174,3m<sup>2</sup> tại thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo bản vẽ mặt bằng hiện trạng ngày 01/3/2023. Từ khi ly hôn chị đưa 02 con về nhà cha mẹ ruột ở, nên nhà đất hiện do anh P quản lý, sử dụng, nguồn gốc đất là do ông Nguyễn Văn X và bà Phan Thị N1 cho vợ chồng năm 2010 chỉ thể hiện bằng miệng, còn nhà cấp 4 do vợ chồng xây dựng vào năm 2012 và ở cho đến khi ly hôn không ai tranh chấp, đây là tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị chia theo quy định pháp luật, giao nhà đất cho anh P sở hữu và trả lại cho chị ½ giá trị theo định giá; 01 xe máy hiệu KOMATSU bánh xích (không có biển số xe), nguồn tiền mua xe từ khoản vay 50.000.000đ tại Ngân hàng N2 chi nhánh P2, anh P là người trực tiếp mua xe nên giữ giấy tờ còn ông X không liên quan, nên giao cho anh P sở hữu trả lại cho chị ½ giá trị; 01 xe WAVE nhãn hiệu HONDA biển số 78C1-703.04 (do chị L đứng tên) anh P đang trực tiếp sử dụng, nên tiếp tục giao cho anh P sở hữu và trả lại cho chị ½ giá trị; 01

xe SH nhãn hiệu HONDA biển số 78C1-506.23 (do chị đứng tên). Anh P đã có xe WAVE làm phương tiện đi lại, nên chị xin nhận sở hữu và trả lại cho anh P ½ giá trị; các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 bộ bàn ghế salon gỗ hương loại 6 ghế, 01 máy bơm nước hoả tiễn công suất 2,5 ngựa, 01 tủ thờ gỗ sơn, 02 tủ đựng đồ bằng gỗ sơn, 02 giường gỗ, 01 máy giặt hiệu SAMSUNG, 01 tủ lạnh hiệu SAMSUNG, 01 tủ gỗ đựng giày dép, 01 bộ bàn ghế đá, 01 bàn gỗ tròn, 01 cây võng bằng gỗ, chị chỉ xin nhận 01 bộ bàn ghế salon gỗ hương loại 6 ghế để cho các con có chỗ ngồi học tập và trả lại ½ giá trị cho anh P, những đồ dùng sinh hoạt còn lại giao cho anh P sở hữu và trả lại cho chị ½ giá trị.

Đối với tài sản, vật kiến trúc xây dựng trên đất ông Lưu Văn P1 đang quản lý, sử dụng tại thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên gồm: 01 giếng khoan; móng hàng rào khối xây đá chẻ, 01 máy bơm nước hoả tiễn đang hoạt động, công suất 2 ngựa rưỡi, chị yêu cầu giao cho ông Lưu Văn P1 sở hữu và ông P1 phải trả lại cho chị và anh P mỗi người ½ giá trị; đối với 01 xe SH MODE nhãn hiệu HONDA biển số 78C1 - 686.47 (do chị Lưu Thị Kim V đứng tên chủ sở hữu) là tài sản của chị V chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng, anh P xin rút không tranh chấp nên chị đồng ý; đối với 01 xe SIRIUS nhãn hiệu YAMAHA biển số 78C1-392.98 (do chị đứng tên chủ sở hữu) năm 2018 vợ chồng chị đã bán cho chị V 5.000.000đ nhưng không có viết giấy, nên đây không còn là tài sản chung phải chia theo yêu cầu của anh P.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị có vay Ngân hàng N2 50.000.000đ để mua xe mức KOMATSU, đây là nợ chung của vợ chồng nên đồng ý trả lại cho anh P 25.000.000đ.

\* Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà, bị đơn anh Nguyễn Văn P ủy quyền cho ông Trịnh Bình T trình bày:

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh đồng ý theo yêu cầu của chị L nhưng do anh làm nghề lái xe mức, công việc không ổn định nên mỗi tháng chỉ có thể cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000đ thời hạn tính từ tháng 8/2023 cho đến khi các con trưởng thành.

- Về tài sản chung: vợ chồng tạo lập được tài sản chung gồm: 01 chái tạm lợp tôn bán quần áo, anh đồng ý như chị L trình bày; ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất nông nghiệp 174,3m<sup>2</sup>, nguồn gốc đất là do nhà nước cân đối cấp cho hộ gia đình anh gồm 8 khẩu, mục đích sản xuất nông nghiệp, năm 2010 cha mẹ cho vợ chồng để xây dựng nhà ở tạm chứ không phải cho luôn đất, nên anh yêu cầu tháo dỡ trả lại đất cho cha mẹ anh; xe biển số 78C1-703.04 do chị L đứng tên anh đang sử dụng, nên anh yêu cầu giao chị L sở hữu và trả lại cho anh ½ giá trị; xe SH biển số 78C1-506.23 chị L đứng tên đăng ký, anh xin sở hữu trả lại cho chị L ½ giá trị; các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như chị L trình bày anh đồng ý giao cho chị L sở hữu và trả lại cho anh ½ giá trị; tài sản xây dựng trên đất của ông Lưu Văn P1 anh đồng ý như ý kiến chị L giao cho ông P1 sở hữu và trả lại cho anh và chị L mỗi người ½ giá trị; xe SH MODE nhãn hiệu HONDA biển số 78C1-686.47 do chị Lưu Thị Kim V đứng tên sở hữu anh xin rút yêu cầu; 01 xe SIRIUS số 78C1-392.98 do chị L đứng tên đã cho chị V mượn sử dụng chứ không phải bán, nên chị L sở hữu và phải trả cho anh ½ giá trị.

Đối với 01 chiếc xe mức hiệu KOMATSU, bánh xúc (không có biển số xe) là tài sản của ông Nguyễn Văn X, do ông X mua lại của anh Lê Phi H1 vào năm 2020 để tạo

điều kiện cho anh làm ăn kiếm tiền nuôi vợ con, nên anh không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của chị **L**.

- Về nợ chung: Anh đồng ý như ý kiến của chị **L** trả lại cho anh 25.000.000 về khoản vay của Ngân hàng.

\* Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn X** ủy quyền cho ông **Trình Bình T** trình bày: Năm 2010 vợ chồng ông **X** và bà **N1** có cho vợ chồng chị **L** và anh **P** xây dựng nhà ở tạm trên đất nông nghiệp, do nhà nước cân đối cấp cho hộ gia đình gồm 8 khẩu, vợ chồng **L** xây dựng nhà ở từ năm 2012 cho đến khi ly hôn, việc định giá phần xây dựng là quá cao ông chỉ đồng ý trả cho vợ chồng phần xây 100.000.000đ, nếu chị **L** không đồng ý thì đề nghị tháo dỡ trả lại hiện trạng cho ông. Đối với 01 xe máy hiệu KOMATSU (không có biển số xe), nhằm để tạo điều kiện cho anh **P** làm ăn nên ông **X** thế chấp giấy tờ đất để vay 150.000.000đ mua lại xe của anh **Lê Phi H1**, mọi giao dịch đều giao anh **P** liên hệ, ông là người trực tiếp trả tiền và xe này hiện nay anh **P** đang sử dụng. Ông xác định chiếc xe này là của ông không phải là tài sản chung của vợ chồng chị **L**, anh **P**. Bà **Phan Thị N1** trình bày như ông **X**.

\* Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lưu Văn P1** trình bày: Ông có cho vợ chồng chị **L**, anh **P** mượn đất ông để trồng cây cảnh, quá trình sử dụng đất vợ chồng chị **L** đã xây dựng công trình gồm: 01 giếng khoan; móng hàng rào; 01 máy bơm nước hoả tiễn đang hoạt động công suất 2 ngựa rưỡi, nên ông đồng ý nhận sở hữu phần tài sản, vật kiến trúc có trên đất và trả lại giá trị cho vợ chồng **L** mỗi người ½ giá trị.

\* Tài liệu có tại hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Lưu Thị Kim V** trình bày: Xe SH MODE hiệu HONDA biển số 78C1-686.47 là tài sản của chị không phải của vợ chồng chị **L**, do chị **L** không có phương tiện đi lại nên chị cho chị **L** mượn để đi lại, chị đồng ý việc anh **P** xin rút yêu cầu chia tài sản này; xe SIRIUS hiệu YAMAHA biển số 78C1-392.98 do chị **L** đứng tên đăng ký, chị đã mua với giá 5.000.000đ nên không còn là tài sản chung của vợ chồng chị **L**.

\* Tài liệu có tại hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị R** trình bày: Bà là con của bà **Huỳnh Thị A** (đã chết) bà **A** chỉ còn 2 người con còn sống là bà và ông **Nguyễn Văn X**, bà là thành viên trong hộ gia đình ông **X** được nhà nước cấp đất năm 1998, ông **X** (chủ hộ) là người trực tiếp sử dụng đất, nay chị **L** yêu cầu chia tài sản chung đối với đất được cấp cho hộ gia đình, bà không phản đối vì đất đã giao cho hộ ông **X** nên ông **X** có quyền quyết định.

\* Tài liệu có tại hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị Thu H** trình bày: Chị là con của ông **X** chị thống nhất với lời trình bày của ông **X**, yêu cầu vợ chồng **L** phải tháo dỡ nhà trả lại đất cho ông **X**.

\* Tài liệu có tại hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Văn C** trình bày: Anh là con của ông **X** anh thống nhất với lời trình bày của ông **X** yêu cầu vợ chồng **L** phải tháo dỡ nhà trả lại hiện trạng đất cho ông **X**.

\* Tài liệu có tại hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Kỳ N** trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của anh **Nguyễn Văn C**.

\* Tài liệu có tại hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **UBND xã B** trình bày: **UBND xã B** không có ý kiến gì về việc Tòa án xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, yêu cầu Tòa căn cứ vào biên bản làm việc của Ủy ban để giải quyết, theo quy định của pháp luật.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị Thanh H2** vắng mặt nên không trình bày.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 130/2023/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã áp dụng Khoản 1, 5 Điều 28, các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 28, 29, 33, 44, 46, 59, 62, 82, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Các Điều 102, 212 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 3 Điều 12, Điều 179 Luật Đất đai năm 2013; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 12, 14, 15, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lưu Thị Kim L** về chia tài sản chung là: 01 chái tạm lợp tôn bán quần áo trên đất của **UBND xã B** quản lý thuộc số thửa 27, tờ bản đồ số 205-B tại **thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên**.

[2] Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện của bị đơn anh **Nguyễn Văn P** về chia tài sản chung là: 01 xe SH MODE nhãn hiệu HONDA biển số 78C1-686.47 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 042528 do **Công an thành phố T** cấp ngày 02/12/2019 cho chị **Lưu Thị Kim V**.

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lưu Thị Kim L** về cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh **Nguyễn Văn P** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con tên **Nguyễn Ngọc Trân C1**, sinh ngày 03/6/2008 và **Nguyễn Lưu Hoài T1**, sinh ngày 26/8/2013 mỗi tháng cho mỗi con 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 20/9/2022 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lưu Thị Kim L** và bị đơn anh **Nguyễn Văn P** về chia tài sản chung. Chia các tài sản chung cụ thể như sau:

[4.1] Nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 174,3m<sup>2</sup> thuộc số thửa 37<sup>(1)</sup> tờ bản đồ số 206<sup>c</sup> địa chỉ tại **thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên**, có giá trị theo kết quả định giá là 345.294.904đ (trong đó giá trị đất: 8.017.800đ, giá trị nhà 337.277.104đ).

Chia chị **Lưu Thị Kim L** và anh **Nguyễn Văn P** mỗi người được nhận ½ giá trị nhà, đất tương ứng số tiền 172.647.452đ (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Tạm giao anh **P** được quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp diện tích 174,3m<sup>2</sup>, thuộc số thửa 37<sup>(1)</sup>, tờ bản đồ 206<sup>c</sup> tại **thôn T, xã B, thành phố T** cho đến khi có chính sách mới thay đổi. (Hiện trạng theo Biên bản thẩm định tại chỗ và bảng vẽ mặt bằng hiện trạng nhà, đất do **Công ty TNHH Đ** thực hiện ngày 01/3/2023).

Anh **P** có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản được chia cho chị **L** là 172.647.452đ (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

[4.2] Giao chị **Lưu Thị Kim L** được quyền sở hữu 01 xe SIRIUS nhãn hiệu YAMAHA biển số 78C1-392.98 theo Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 021079 do **Công an thành phố T** cấp ngày 09/01/2017 cho chị **Lưu Thị Kim L** có giá trị 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Chị **L** có nghĩa vụ thôi trả lại cho anh **P** 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[4.3] Giao anh **Nguyễn Văn P** được quyền sở hữu 01 xe WAVE nhãn hiệu HONDA biển số 78C1-703.04 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 78009529 do **Công an thành phố T** cấp ngày 28/4/2022 cho chị **Lưu Thị Kim L** có giá trị 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Anh **P** có nghĩa vụ thôi trả lại cho chị **L** là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Chị **Lưu Thị Kim L** có trách nhiệm giao anh **Nguyễn Văn P** bản chính Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe gắn máy số 78009529 do **Công an thành phố T** cấp ngày 28/4/2022 cho chị **Lưu Thị Kim L**. Anh **P** được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sở hữu tài sản theo quy định pháp luật.

[4.4] Giao cho chị **Lưu Thị Kim L** được quyền sở hữu 01 xe SH 150I nhãn hiệu HONDA biển số 78C1-506.23 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 039441 do **Công an thành phố T** cấp ngày 17/9/2018 cho chị **Lưu Thị Kim L** có giá trị 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Chị **L** có nghĩa vụ thanh toán cho anh **P** số tiền 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

[4.5] Giao anh **P** được quyền sở hữu các đồ dùng sinh hoạt gia đình gồm: 01 bộ bàn ghế salon gỗ hương loại 6 ghế có giá trị 40.000.000đ, 01 máy bơm nước hoả tiễn, công suất 2,5 ngựa giá trị 1.000.000đ, 01 tủ thờ gỗ sơn giá trị 10.000.000đ, 02 tủ đựng đồ bằng gỗ sơn giá trị 7.000.000đ, 02 giường gỗ giá trị 5.000.000đ, 01 máy giặt hiệu SAMSUNG giá trị 2.000.000đ, 01 tủ lạnh hiệu SAMSUNG giá trị 3.000.000đ, 01 tủ gỗ đựng giày dép giá trị 1.500.000đ, 01 bộ bàn ghế đá giá trị 2.500.000đ, 01 bàn gỗ tròn giá trị 700.000đ, 01 cây võng bằng gỗ 500.000đ, tổng giá trị 73.200.000đ (Bảy mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Anh **P** có nghĩa vụ thôi trả lại cho chị **L** là 36.600.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

[4.6] Giao ông **Lưu Văn P1** được quyền sở hữu tài sản, vật kiến trúc gồm: 01 giếng khoan giá trị 3.690.000đ, móng hàng rào khối xây đá chẻ (dài 20m, cao 1,4m, rộng 0,2 m) giá trị 4.816.000đ, 01 máy bơm nước hoả tiễn đang hoạt động, công suất 2 ngựa rưỡi giá trị 1.000.000đ, tổng cộng 9.506.000đ (Chín triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng) trên đất do **UBND xã B** quản lý thuộc tờ bản đồ 206A tại **thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên** có giới cận: Đông giáp đất trống của bộ đội, Tây giáp tường rào của bà **Lê Thị L1, B** giáp đường bê tông, Nam giáp đất ông **Lưu Nhị**. Khi cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định, ông **P1** phải thực hiện nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tài sản, vật kiến trúc nêu trên.

Ông **P1** có nghĩa vụ thôi trả lại cho anh **P**, chị **L** mỗi người 4.753.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng).

[4.7] Tổng giá trị tài sản chung chị **L**, anh **P** mỗi người được chia là:  $172.647.452đ + 3.000.000đ + 36.600.000đ + 5.000.000đ + 17.500.000đ + 4.753.000đ = 239.500.452đ$ .

[5] Về nợ chung: Chị **L** có trách nhiệm trả lại cho anh **P** 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Chị **L** phải thôi trả lại cho anh **P** là:  $3.000.000đ + 17.500.000đ + 25.000.000đ = 45.500.000đ$  (Bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Anh **P** phải thôi trả lại cho chị **L** là:  $172.647.452đ + 36.600.000đ + 5.000.000đ = 214.247.452đ$  (Hai trăm mười bốn triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Khấu trừ phần nghĩa vụ thanh toán giữa anh **P** và chị **L** thì anh **P** còn phải thanh toán cho chị **L** số tiền:  $214.247.452đ - 45.500.000đ = 168.747.452đ$  (Một trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

[6] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lưu Thị Kim L** về việc yêu cầu chia tài sản chung là 01 xe máy hiệu KOMATSU dung tích gầu đào 0,3m<sup>3</sup>, bánh xích (không có biển số xe).

[7] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông **Nguyễn Văn X**, bà **Phan Thị N1** về việc yêu cầu anh **Nguyễn Văn P** và chị **Lưu Thị Kim L** tháo dỡ nhà ở trả lại cho vợ chồng ông **X**, bà **N1** quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp diện tích 174,3m<sup>2</sup> thuộc số thửa 37<sup>(1)</sup>, tờ bản đồ 206<sup>c</sup> địa chỉ tại **thôn T, xã B, thành phố T**.

Ngoài ra các đương sự còn phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

- Ngày 31/10/2023, bị đơn anh **Nguyễn Văn P** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông **Nguyễn Văn X**, bà **Phan Thị N1** kháng cáo.

Tại phiên tòa :

- Nguyên đơn chị **Lưu Thị Kim L** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị bị đơn giao nhà đất và tài sản cho nguyên đơn sở hữu, nguyên đơn cho lại các con và trả lại ½ giá trị cho bị đơn.

- Bị đơn anh **Nguyễn Văn P** ủy quyền cho ông **Trịnh bình T2** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin rút yêu cầu kháng cáo về phần cấp dưỡng cho con.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông **Nguyễn Văn X**, bà **Phan Thị N1** ủy quyền cho ông **Trịnh Bình T** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm vì có tình tiết mới phát sinh ở cấp phúc thẩm đề nghị: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với tiền cấp dưỡng nuôi con; về giá trị nhà theo định giá ở cấp phúc thẩm giảm xuống nên phải sửa án sơ thẩm, còn lại nội dung khác giữ nguyên như án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn P rút yêu cầu kháng cáo về cấp dưỡng nuôi con, nên đình chỉ xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn P đề nghị tháo dỡ nhà, trả lại đất cho gia đình anh P và yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn X về việc buộc anh P, chị L tháo dỡ nhà trả lại quyền sử dụng đất cho hộ gia đình vợ chồng ông, thấy rằng:

Căn cứ nội dung biên bản xác minh của UBND xã B ngày 05/5/2023 và ngày 04/8/2023 (BL 147, 148): “hộ ông Nguyễn Văn X được Nhà nước cân đối giao đất theo ND 64/CP của Chính Phủ và được U (nay là UBND thành phố U) cấp giấy CNQSD đất số G726204 ngày 10/5/1998, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00364/QSDĐ, diện tích được cấp 6.430m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: sản xuất nông nghiệp, thời hạn sử dụng: tháng 10/2016, gồm: thửa 467<sup>(1)</sup> tờ bản đồ 206<sup>A</sup> diện tích 1.030m<sup>2</sup>; thửa 175<sup>(1)</sup> tờ bản đồ 206<sup>C</sup> diện tích 535m<sup>2</sup>; thửa 113 tờ bản đồ 206<sup>C</sup> diện tích 1.570m<sup>2</sup>; thửa 37<sup>(1)</sup> tờ bản đồ 206<sup>C</sup> diện tích 390m<sup>2</sup>; thửa 645 tờ bản đồ 206<sup>A</sup> diện tích 1.455m<sup>2</sup>; thửa số 598 tờ bản đồ số 206<sup>C</sup> diện tích 530m<sup>2</sup> và thửa 160<sup>(1)</sup> tờ bản đồ 205<sup>B</sup> diện tích 920m<sup>2</sup>. Thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất, hộ ông X có 8 khẩu theo Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 01/10/1997. Sau khi anh P lập gia đình, ông X mới cắt 01 phần đất thuộc số thửa 37<sup>(1)</sup> tờ bản đồ 206<sup>C</sup> để P xây dựng nhà ở. Ngoài ra trên thửa đất trên còn có ông Nguyễn Văn C - con ông X cũng xây dựng nhà ở. Vợ chồng anh P, chị L xây dựng nhà là vi phạm theo khoản 3 Điều 12 Luật đất đai, nhưng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Do hộ ông X vi phạm nên không đủ điều kiện để tách thửa hay xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp. Vợ chồng vẫn có thể tiếp tục sử dụng nhà ở trên đất đó cho đến khi có chính sách mới thay đổi. Theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 của thành phố T thì thửa đất trên phù hợp quy hoạch sử dụng đất theo quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh P. Diện tích đất P xây dựng nhà ở phù hợp với quy hoạch đất ở tại nông thôn”.

Căn cứ Giấy xác nhận 22/6/2023, Hợp tác xã D xác nhận thời điểm cấp đất theo ND 64/CP hộ ông Nguyễn Văn X có 08 nhân khẩu gồm: Huỳnh Thị A (chết năm 2004); Nguyễn Văn X, Phan Thị N1, Nguyễn Thị Thanh H2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Kỳ N và Nguyễn Văn P. Thời điểm cấp đất diện tích 6.430m<sup>2</sup> là đất sản xuất nông nghiệp gồm 08 nhân khẩu, mỗi người được cấp:  $6.430 : 8 = 803,75\text{m}^2$ , nên phần anh P được chia theo nhân khẩu là 803,75m<sup>2</sup>.

Theo lời trình bày của các thành viên trong hộ, thì sau khi được Nhà nước cấp đất ông X là chủ hộ, là người trực tiếp sử dụng đất và phân chia đất được cấp cho các thành viên trong hộ, cụ thể: phân chia cho anh P, anh C mỗi người 01 phần đất thuộc thửa số 37<sup>(1)</sup> tờ bản đồ 206<sup>C</sup>, anh Nguyễn Kỳ N được phân chia đất thuộc thửa khác, nhưng các thành viên trong hộ ông X tự ý xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp (hiện trạng vợ chồng anh P, chị L và anh C xây dựng nhà ở trên thửa 37<sup>(1)</sup> tờ bản đồ 206<sup>C</sup>). Qua đo đạc thực tế, phần nhà ở của anh P, chị L gắn liền với diện tích đất 174,3m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 390m<sup>2</sup> thuộc thửa số 37<sup>(1)</sup>, tờ bản đồ số 206c, tại



thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên có tứ cận: Đông giáp nhà bà Vương Thị H3, Tây giáp đường đi và mương KC2, Nam giáp nhà anh Nguyễn Văn C, Bắc giáp nhà anh Nguyễn Kỳ N.

Diện tích đất anh P được phân chia không vượt quá phần đất sản xuất nông nghiệp được chia, thời điểm giao đất anh P chưa kết hôn với chị L đến năm 2012 anh P, chị L xây dựng nhà ở trên phần đất của anh P được chia, anh P đã tự nguyện nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng (Theo khoản 4 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình). Anh P, chị L xây dựng nhà ở ổn định trên phần đất được phân chia, các thành viên trong hộ gia đình biết nhưng không ai phản đối, cần xác định nhà đất trên là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu của vợ chồng ông X đòi lại đất là không có cơ sở.

Hiện nay nhà đất do anh P trực tiếp quản lý, chị L yêu cầu giao cho anh P sở hữu và trả lại cho chị 1/2 giá trị là phù hợp. Giao cho anh P được quyền sở hữu phần nhà ở xây dựng trên đất sản xuất nông nghiệp diện tích 174,3m<sup>2</sup>, thuộc số thửa 37<sup>(1)</sup>, tờ bản đồ 206<sup>c</sup> tại thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tại Biên bản định giá tài sản ngày 25/4/2023, Hội đồng định giá tài sản thành phố T đã xác định: thửa đất 37<sup>(1)</sup>, tờ bản đồ 206<sup>c</sup> hiện trạng trên đất đã có nhà ở, sử dụng đất không đúng mục đích, đồng thời thửa đất hết thời hạn sử dụng không đủ điều kiện thực hiện chuyển đổi, chuyển nhượng thửa đất trên thị trường nên không đủ điều kiện định giá đất theo giá thị trường, đất nông nghiệp theo Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2020 -2024) của UBND tỉnh P theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 có giá trị: 8.017.800đ, nhà có giá trị: 337.277.104đ, tổng cộng 345.294.904đ. (Theo biên bản định giá lại ngày 03/5/2024 của Hội đồng định giá Tòa án tỉnh Phú Yên thì nhà có giá trị là 274.037.647 đồng, tổng cộng nhà và đất là 8.017.800đ + 274.037.647đ = 282.109.447đ). Đây là tình tiết mới phát sinh ở cấp phúc thẩm, nên anh P chỉ còn phải trả cho chị L 1/2 giá trị nhà, đất là (1/2 x 282.109.447đ = 141.054.724đ)

[3] Anh P yêu cầu giao lại cho chị L toàn bộ tài sản đang sử dụng có trong nhà và trả lại cho anh bằng 1/2 giá trị, thấy rằng: Anh P được giao quyền sở hữu nhà trên quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, đồng thời đang trực tiếp sử dụng các đồ dùng sinh hoạt gia đình nên cấp sơ thẩm giao toàn bộ cho anh P sở hữu và trả lại giá trị cho chị L là phù hợp, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh P.

[4] Anh P kháng cáo xin được nhận xe SH biển số 78C1-506.23 và trả lại giá trị cho chị L, còn những chiếc xe mô tô khác thì giao cho chị L sở hữu và trả lại giá trị cho anh P, thấy rằng: anh P đang sử dụng xe WAVE hiệu HONDA còn chị L không có phương tiện đi lại, xin nhận để đưa con đi học nên cấp sơ thẩm giao chiếc xe SH biển số 78C1-506.23 cho chị L sở hữu là phù hợp. Đối với chiếc xe SIRIUS hiệu YAMAHA biển số 78C1-392.98 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021079 do Công an thành phố T cấp ngày 09/01/2017 cho chị Lưu Thị Kim L, anh P đề nghị giao xe cho chị L sở hữu, cấp sơ thẩm giao cho chị L là phù hợp. Đối với chiếc xe WAVE hiệu HONDA biển số 78C1-703.04 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 78009529 do Công an thành phố T cấp ngày 28/4/2022 cho chị Lưu Thị Kim L, hiện nay anh P đang quản lý, sử dụng nên chị L đề nghị giao anh P sở hữu là phù hợp.

Từ những căn cứ trên, cần chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa sửa một phần bản án sơ thẩm về giá trị ngôi nhà; đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con; các quyết định khác giữ nguyên như án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật; vợ chồng ông Nguyễn Văn X là người cao tuổi nên được miễn án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn P, chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng bà Phan Thị N1, ông Nguyễn Văn X; sửa một phần bản án sơ thẩm về giá trị ngôi nhà.

Căn cứ vào các Điều 28, 29, 33, 44, 46, 59, 62, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1,5 Điều 28, Điều 147, 157, 165, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án,

#### **Tuyên xử:**

[1] Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu của chị Lưu Thị Kim L về chia tài sản chung là: 01 chái tạm lợp tôn bán quần áo trên đất của UBND xã B quản lý thuộc số thửa 27, tờ bản đồ số 205-B tại thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

[2] Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu của anh Nguyễn Văn P về chia tài sản chung là: 01 xe SH MODE nhãn hiệu HONDA biển số 78C1-686.47 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 042528 do Công an thành phố T cấp ngày 02/12/2019 cho chị Lưu Thị Kim V.

[3] Chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị Kim L về cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con tên Nguyễn Ngọc Trân C1, sinh ngày 03/6/2008 và Nguyễn Lưu Hoài T1, sinh ngày 26/8/2013 mỗi tháng cho mỗi con 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 20/9/2022 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Thị Kim L và bị đơn anh Nguyễn Văn P về chia tài sản chung. Chia các tài sản chung cụ thể như sau:

[4.1] Giao cho Anh Nguyễn Văn P được quyền sở hữu nhà trên quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp diện tích 174,3m<sup>2</sup> thuộc số thửa 37<sup>(1)</sup> tờ bản đồ số 206<sup>C</sup> tại thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nhưng phải trả lại cho chị Lưu Thị Kim L ½ giá trị nhà và đất là 141.054.724đ (Một trăm bốn mươi một triệu không trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm hai bốn đồng);(Kèm theo Biên bản thẩm định tại chỗ và bảng vẽ mặt bằng hiện trạng lập ngày 01/3/2023).

Anh P có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có yêu cầu.

[4.2] Chị Lưu Thị Kim L được quyền sở hữu 01 xe SIRIUS nhãn hiệu YAMAHA biển số 78C1-392.98 theo Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 021079 do Công an thành

phố T cấp ngày 09/01/2017 do chị L đứng tên; nhưng phải trả lại cho anh P 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[4.3] Anh Nguyễn Văn P được quyền sở hữu 01 xe WAVE nhãn hiệu HONDA biển số 78C1-703.04 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 78009529 do Công an thành phố T cấp ngày 28/4/2022 do chị L đứng tên đăng ký; nhưng phải trả lại cho chị L 5.000.000đ (Năm triệu đồng); chị L phải giao lại bản chính giấy đăng ký xe cho anh P để đăng ký lại theo quy định của pháp luật.

[4.4] Chị Lưu Thị Kim L được quyền sở hữu 01 xe SH 150I nhãn hiệu HONDA biển số 78C1-506.23 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 039441 do Công an thành phố T cấp ngày 17/9/2018 do chị L đứng tên đăng ký; nhưng phải trả lại cho anh P 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

[4.5] Anh Nguyễn Văn P được quyền sở hữu các đồ dùng sinh hoạt gia đình gồm: 01 bộ bàn ghế salon gỗ hương loại 6 ghế; 01 máy bơm nước hoá tiễn, 01 tủ thờ gỗ; 02 tủ đựng đồ bằng gỗ; 02 giường gỗ; 01 máy giặt hiệu SAMSUNG; 01 tủ lạnh hiệu SAMSUNG; 01 tủ gỗ đựng giày dép; 01 bộ bàn ghế đá; 01 bàn gỗ tròn; 01 cây võng bằng gỗ; nhưng anh P phải có nghĩa vụ trả lại cho chị L 36.600.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

[4.6] Ông Lưu Văn P1 được quyền sở hữu tài sản gồm: 01 giếng khoan; móng hàng rào khối xây đá chẻ (dài 20m, cao 1,4m, rộng 0,2 m); 01 máy bơm nước hoá tiễn nằm trên đất do UBND xã B quản lý thuộc tờ bản đồ 206A tại thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nhưng ông P1 phải có nghĩa vụ trả lại cho anh P, chị L mỗi người 4.753.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng).

[4.7] Tổng giá trị tài sản chung chị L, anh P mỗi người được chia là: 141.054.724đ + 3.000.000đ + 36.600.000đ + 5.000.000đ + 17.500.000đ + 4.753.000đ = 207.907.724đ.

[5] Về nợ chung: Chị L phải trả lại cho anh P 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Chị L phải trả lại cho anh P là: 3.000.000đ + 17.500.000đ + 25.000.000đ = 45.500.000đ (Bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Anh P phải trả lại cho chị L là: 141.054.724đ + 36.600.000đ + 5.000.000đ = 182.654.724 (Một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

Khấu trừ phần nghĩa vụ thanh toán tài sản chung giữa anh P và chị L thì anh Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ trả cho chị Lưu Thị Kim L 182.654.724đ - 45.500.000đ = 137.154.724đ (Một trăm ba mươi bảy triệu một trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

Các bên đương sự phải có nghĩa vụ giao nhận tài sản và trả tiền đúng như nội dung trên.

[6] Không chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị Kim L về việc chia tài sản chung là 01 xe máy hiệu KOMATSU dung tích gầu đào 0,3m<sup>3</sup>, bánh xích (không có biển số xe); vì không có căn cứ pháp luật.

[7] Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng bà Phan Thị N1, ông Nguyễn Văn X về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn P và chị Lưu Thị Kim L tháo dỡ nhà ở trả lại quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp 174,3m<sup>2</sup> thuộc số thửa 37<sup>(1)</sup>, tờ bản đồ 206<sup>C</sup> địa chỉ tại thôn T, xã B, thành phố T; vì không có căn cứ pháp luật.

[8] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ở cấp sơ thẩm giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm; định giá ở cấp phúc thẩm anh Nguyễn Văn P phải chịu 3.500.000đ; anh P đã nộp đủ.

[10] Về án phí: Chị Lưu Thị Kim L phải nộp 11.645.000đ (Mười một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Đã nộp 8.325.000đ tạm ứng án phí ở biên lai thu tiền số 0007730 ngày 03 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, nên còn phải nộp 3.320.000đ (Ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn P phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con và 10.395.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đã nộp 1.000.000đ tiền tạm ứng án phí DSST theo biên lai thu số 0010000 ngày 27 tháng 9 năm 2023 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí DSPT theo biên lai thu tiền số 12688 ngày 02/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, nên anh P còn phải nộp 9.395.000đ (Chín triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho vợ chồng ông Nguyễn Văn X, bà Phan Thị N1 là người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP.Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Tấn Hoàng**